

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá
thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 14/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về phân hạng nhà chung cư;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại các Tờ trình số 8425/TTr-SXD-VPTT ngày 23 tháng 10 năm 2012 và số 02/TTr-BCĐ-VPTT ngày 16 tháng 01 năm 2012); Sở Tư pháp (Công văn số 4502/STP-VB ngày 09 tháng 9 năm 2011),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Chủ tịch Hiệp hội bất động sản thành phố; Giám đốc các Sàn giao dịch bất động sản và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường
bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc quản lý, phát triển thị trường bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phân loại bất động sản

1. Căn hộ chung cư:

a) Phân loại căn hộ chung cư:

- Chung cư loại 1: là chung cư được phân hạng 1 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán từ 60 triệu đồng/m² trở lên.
- Chung cư loại 2: là chung cư được phân hạng 2 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán từ 30 triệu đồng/m² đến dưới 60 triệu đồng/m².
- Chung cư loại 3: là chung cư được phân hạng 3 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán từ 15 triệu đồng/m² đến dưới 30 triệu đồng/m².
- Chung cư loại 4: là chung cư được phân hạng 4 theo quy định của Bộ Xây dựng và có giá bán dưới 15 triệu đồng/m².

b) Giá bán các loại chung cư nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và được thay đổi từng năm theo giá thị trường.

2. Nhà ở riêng lẻ:

- a) Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu.
- b) Nhà ở trong các khu đô thị.
- c) Nhà ở tại các dự án nhà ở.

3. Đất nền:

- a) Đất nền trong khu phố, khu dân cư hiện hữu.
- b) Đất nền trong các khu đô thị.
- c) Đất nền tại các dự án nhà ở.

4. Văn phòng cho thuê:**a) Phân loại văn phòng cho thuê:**

- Văn phòng hạng A: là văn phòng có giá thuê từ 700.000 đồng/m²/tháng trở lên.
- Văn phòng hạng B: là văn phòng có giá thuê từ 400.000 đồng/m²/tháng đến dưới 700.000 đồng/m²/tháng.
- Văn phòng hạng C: là văn phòng có giá thuê dưới 400.000 đồng/m²/tháng.

b) Giá thuê các loại văn phòng nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí phục vụ và được thay đổi từng năm theo giá thị trường.

Điều 3. Phân chia khu vực

Các chỉ số được xây dựng và công bố bao gồm các chỉ số chung cho địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các chỉ số cho từng khu vực như sau:

1. Khu vực 1: quận 1, quận 3.

2. Khu vực 2: quận 4, 5, 6, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Tân Bình, Tân Phú.

Khu vực 2 được chia thành 2 phân khu:

a) Phân khu 1: quận 4, 5, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh.

b) Phân khu 2: quận 6, Tân Bình, Tân Phú.

3. Khu vực 3: quận 2, 7, 9, 12, Thủ Đức, Gò Vấp, Bình Tân. Khu vực này được chia làm 4 phân khu:

a) Phân khu 1: quận 9, Thủ Đức.

b) Phân khu 2: quận 2, khu đô thị Thủ Thiêm.

c) Phân khu 3: khu đô thị Nam Sài Gòn (huyện Bình Chánh: xã Bình Hưng, xã Phong Phú, xã An Phú Tây, xã Hưng Long; quận 7; quận 8) và một số khu dân cư mới ở quận 7.

d) Phân khu 4: Khu đô thị Tây Bắc - Củ Chi và một số khu dân cư quận Gò Vấp, quận 12, quận Bình Tân.

4. Khu vực 4: Khu đô thị cảng Hiệp Phước và 5 huyện ngoại thành như Bình Chánh (trừ xã Bình Hưng, xã Phong Phú, xã An Phú Tây, xã Hưng Long), Hóc Môn, Nhà Bè, Củ Chi và Cần Giờ.

Điều 4. Bất động sản làm đại diện cho khu vực

1. Khu vực 1: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, văn phòng cho thuê.

2. Khu vực 2:

a) Phân khu 1: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, văn phòng cho thuê.

b) Phân khu 2: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ.

3. Khu vực 3:

a) Phân khu 1: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

b) Phân khu 2: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng, văn phòng cho thuê.

c) Phân khu 3: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng, văn phòng cho thuê.

d) Phân khu 4: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

4. Khu vực 4: căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, SỐ LIỆU ĐỂ XÂY DỰNG CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 5. Thông tin, số liệu từ các cơ quan quản lý Nhà nước:

Các Sở - ngành, đơn vị sau đây có trách nhiệm tổng hợp, lưu trữ các thông tin, số liệu có liên quan đến giao dịch bất động sản và định kỳ vào ngày 25 của tháng thứ 3 hàng quý gửi kết quả tổng hợp (kèm theo file Excel) theo mẫu tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 của Quy định này về Sở Xây dựng:

1. Sở Tư pháp: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua các hợp đồng công chứng về giao dịch bất động sản của các tổ chức hành nghề công chứng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường (nếu chưa thành lập Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất) của 24 quận - huyện.

3. Cục Thuế Thành phố: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua thu thuế chuyển nhượng bất động sản tại các Chi Cục Thuế của 24 quận - huyện.

4. Hiệp hội Bất động sản Thành phố: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua tổng hợp các thông tin về kinh tế, dự báo thị trường bất động sản, các dự án đầu tư phát triển bất động sản.

5. Các sàn giao dịch bất động sản: cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua các giao dịch bất động sản qua sàn.

Điều 6. Điều tra, khảo sát thị trường

1. Định kỳ hàng quý, Sở Xây dựng (hoặc đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm) tiến hành điều tra, khảo sát thực tế các giao dịch thành công trên thị trường (theo giá trị thị trường).

2. Trên cơ sở mẫu Phiếu điều tra tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng và các biểu mẫu tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 của Quy định này, Sở Xây dựng (hoặc đơn vị tư vấn) lập các biểu mẫu phiếu điều tra, khảo sát chi tiết cho phù hợp với từng loại bất động sản cần thu thập thông tin.

Chương III

XÁC ĐỊNH VÀ CÔNG BỐ CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 7. Xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản

1. Việc xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

2. Nguyên tắc xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản:

a) Chỉ số giá giao dịch bất động sản:

- Chỉ số giá giao dịch bất động sản chung của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chỉ số giá giao dịch từng loại bất động sản ở từng khu vực quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.
- Chỉ số giá giao dịch được xác định trên cơ sở giá của bất động sản được giao dịch thành công trên thị trường trong giai đoạn tính toán, không phải là giá giao dịch lần đầu của bất động sản mới được hình thành hay mới được tạo lập.

b) Chỉ số lượng giao dịch bất động sản:

- Chỉ số lượng giao dịch bất động sản chung của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chỉ số lượng giao dịch từng loại bất động sản ở từng khu vực quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.
- Chỉ số lượng giao dịch bất động sản được xác định trên cơ sở số lượng giao dịch thành công trong giai đoạn tính toán của các loại bất động sản.

Điều 8. Các thức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán, xây dựng các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản. Sở Xây dựng có thể thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực định giá bất động sản để thực hiện một số phần việc hoặc toàn bộ công việc thu thập số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán xác định các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

2. Trong trường hợp thuê các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc nêu tại Khoản 1 Điều này, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo chính sách nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, đánh giá sự phù hợp của các số liệu và tính chính xác của các chỉ số do các tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố công bố.

3. Nguồn kinh phí để thu thập, tính toán xác định, công bố các chỉ số được cân đối từ nguồn ngân sách thành phố.

Điều 9. Công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản

1. Nội dung công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản gồm: chỉ số giá

giao dịch bất động sản và chỉ số lượng giao dịch bất động sản của Thành phố Hồ Chí Minh và của từng khu vực quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.

2. Các chỉ số được công bố phải đầy đủ, kịp thời, phản ánh sát với tình hình biến động của thị trường bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các chỉ số được công bố hàng quý và hàng năm.

4. Thời điểm công bố:

a) Các chỉ số công bố theo quý: thực hiện vào ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau.

b) Các chỉ số công bố theo năm: thực hiện vào ngày 15 tháng 01 năm sau.

5. Tổ chức công bố:

Vào thời điểm công bố quy định tại Khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Xây dựng thông cáo báo chí các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh và công bố các chỉ số trên website của Ủy ban nhân dân thành phố, website của Sở Xây dựng, website của Hiệp hội Bất động sản Thành phố và các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Thực hiện việc công bố lần đầu các chỉ số từ quý 1/2013.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở - ngành, các đơn vị có liên quan

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai việc xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản theo quy định tại Thông tư số 20/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

b) Dự toán kinh phí để tổ chức xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản, chuyển Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

c) Tổ chức xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và tính toán các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản. Kiến nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn, hỗ trợ việc xây dựng phần mềm nêu trên để cùng thực hiện thống nhất cho tất cả các địa phương được lựa chọn thí điểm công bố các chỉ số.

d) Phối hợp với Ban Điều hành Mạng các sàn giao dịch bất động sản Việt Nam khu vực miền Nam thiết lập cơ sở dữ liệu chung về giao dịch bất động sản của các sàn giao dịch bất động sản đang hoạt động trên địa bàn thành phố, phục vụ cho công tác xây dựng các chỉ số.

đ) Điều tra, khảo sát thị trường theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

g) Công bố các chỉ số theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Quy định này.

h) Gửi báo cáo theo định kỳ công bố các chỉ số về Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, kiểm tra.

i) Hàng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh giá bán các loại căn hộ chung cư nêu tại Khoản 1 Điều 2 và giá thuê các loại văn phòng cho thuê nêu tại Khoản 4 Điều 2 Quy định này phù hợp với giá thị trường.

2. Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự toán kinh phí để tổ chức xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản.

3. Sở Nội vụ rà soát, bố trí nhân sự có năng lực chuyên môn cho Sở Xây dựng thực hiện việc xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua các hợp đồng công chứng và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

6. Cục Thuế Thành phố có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua thu thuế chuyển nhượng bất động sản và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này.

7. Hiệp hội Bất động sản Thành phố có trách nhiệm:

a) Hỗ trợ Sở Xây dựng trong công tác tổng hợp, cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng công bố các chỉ số trên website của Hiệp hội Bất động sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Quy định này.

c) Tổng hợp, phản ánh với Sở Xây dựng các ý kiến của các hội viên, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản về sự phù hợp của các chỉ số được công bố.

8. Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo chính sách nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng xem xét, đánh giá sự phù hợp của các số liệu và tính chính xác của các chỉ số trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố công bố.

9. Các sàn giao dịch bất động sản có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến giao dịch bất động sản thông qua sàn giao dịch bất động sản và cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Xây dựng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Quy định này.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở - ngành và các đơn vị có liên quan phản ánh đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kịp thời bổ sung điều chỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH CĂN HỘ CHUNG CƯ ĐỂ BÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Tên dự án căn hộ chung cư	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Diện tích (m2)	Đặc điểm căn hộ	Thời điểm giao dịch thành công	Giá giao dịch thành công (triệu đồng)	Thuế chuyển nhượng BĐS	Ghi chú
1	123/HĐ hoặc 123/XNBĐS	Chung cư Everich	số 312 đường 3/2, phường 14, quận 10	10	80	Tầng 10, 2 phòng ngủ, 2 WC, ...	18/12/2010	1.500	30	
2										
3										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH NHÀ Ở RIÊNG LẺ ĐỂ BÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Nhà ở tại dự án nhà ở (tên dự án)/ Nhà ở trong khu đô thị (tên khu đô thị)/ Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)	Đặc điểm nhà ở	Thời điểm giao dịch thành công	Giá giao dịch thành công (triệu đồng)	Thuế chuyển nhượng BĐS	Ghi chú
1	12/HĐ hoặc 12/XNBĐS	Khu nhà ở biệt thự tại phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2	số 123, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2	2	200	350	mặt tiền 6m, 2 tầng, 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 3 WC, ...	18/12/2010	6.000	120	
2	13/HĐ hoặc 13/XNBĐS	Khu đô thị Nam Sài Gòn	số 456, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh	Bình Chánh	100	280	mặt tiền 12m, 3 tầng, 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 3 WC, ...	19/12/2010	3.000	60	
3	14/HĐ hoặc 14/XNBĐS	Khu nhà ở ABC	số 789, đường ABC, phường ABC, quận 2	2	80	150	mặt tiền 6m, 2 tầng, 1 phòng khách, 2 phòng ngủ, 2 WC, ...	20/12/2010	2.800	56	
4	15/HĐ hoặc 15/XNBĐS	Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	số 259, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 8, quận 3	3	60	80	hẻm 4 m, 1 triệt, 1 lửng, 1 phòng khách, 2 phòng ngủ, 1 WC, ...	21/12/2010	2.000	40	
5											
6											

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH ĐẤT NỀN CHUYỂN NHƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BDS giao dịch qua sàn	Đất nền tại dự án nhà ở (tên dự án)/ Đất nền trong khu đô thị (tên khu đô thị)/ Đất nền trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Diện tích đất (m ²)	Đặc điểm	Thời điểm giao dịch thành công	Giá giao dịch thành công (triệu đồng)	Thuế chuyển nhượng BDS	Ghi chú
1	12/HĐ hoặc 12/XNBDS	Khu nhà ở biệt thự tại phường Thạnh Mỹ Lợi	số 123, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2	2	200	mặt tiền 6m, hạ tầng	18/12/2010	5.000	100	
2	13/HĐ hoặc 13/XNBDS	Khu đô thị Nam Sài Gòn	số 456, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Binh Chánh	Bình Chánh	100	mặt tiền 12m, hạ tầng ...	19/12/2010	2.000	40	
3	14/HĐ hoặc 14/XNBDS	Khu nhà ở ABC	số 789, đường ABC, phường ABC, quận 2	2	80	mặt tiền 6m, hạ tầng ...	20/12/2010	1.800	36	
4	15/HĐ hoặc 15/XNBDS	Nhà ở trong khu phố, khu dân cư hiện hữu	số 259, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 8, quận 3	3	60	hẻm 4 m, hạ tầng ...	21/12/2010	1.500	30	
5										
6										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 4: MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO DỊCH VĂN PHÒNG CHO THUÊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Số Hợp đồng giao dịch/ Số xác nhận BĐS giao dịch qua sàn	Tên cao ốc Văn phòng	Địa chỉ	Quận/ Huyện	Hạng Văn phòng	Diện tích văn phòng (m ²)	Đặc điểm	Thời điểm giao dịch thành công	Giá thuê (đồng/m ² /tháng)	Ghi chú
1	12/HĐ hoặc 12/XNBDS	Saigon Center	số 123, đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1	1	A	400	vị trí tầng, số lượng thang máy, chất lượng tòa nhà (được xây dựng năm nào), chỗ đậu xe, hạ tầng KT, đặc điểm yếu tố xã hội	18/12/2010	740.000 đồng/m ² /tháng	
2	13/HĐ hoặc 13/XNBDS	AB Tower	số 456, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3, quận 3	3	B	200		19/12/2010	400.000 đồng/m ² /tháng	
3	14/HĐ hoặc 14/XNBDS	Gilimex Building	số 789, đường Điện Biên Phủ, phường 23, quận Bình Thạnh	Bình Thạnh	C	150		20/12/2010	330.000 đồng/m ² /tháng	
4										
5										
6										

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ